UBND TỈNH LÂM ĐỒNG **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1401 /KH-SYT	*Lâm Đồng, ngày 02 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026

Căn cứ Luật Viên chức số 129/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

Căn cứ Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền tuyển dụng viên chức;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 14/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 22/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc áp dụng Quyết định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng *(sau đây gọi là đơn vị sự nghiệp*) và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu *(sau đây gọi là Trạm Y tế)* trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã);

Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng ban hành kế hoạch tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tuyển dụng viên chức nhằm tuyển dụng những người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện về phẩm chất chính trị, đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế, và Trạm Y tế trực thuộc UBND cấp xã, qua đó bổ sung nguồn nhân lực, tiếp tục xây dựng đội ngũ viên chức đủ

về số lượng, đúng cơ cấu, đảm bảo chất lượng, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công việc được giao.

2. **Yêu cầu**

- Việc tuyển dụng phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn và điều kiện của vị trí việc làm, số lượng người làm việc được giao và thẩm quyền tuyển dụng

- Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, công bằng, cạnh tranh và đúng quy định pháp luật; lựa chọn người có kết quả tuyển dụng đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.

- Tổ chức thi tuyển theo đúng trình tự, thủ tục, thời hạn; bảo đảm bảo mật đề thi, đáp án và an toàn trong toàn bộ quá trình tuyển dụng.

II. Căn cứ tuyển dụng viên chức

1. Căn cứ: Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế và Trạm Y tế trực thuộc UBND cấp xã. Đảm bảo về số lượng người làm việc được cấp có thẩm quyền giao.

2. Phương thức tuyển dụng: Thi tuyển.

3. Nhu cầu tuyển dụng

Tổng nhu cầu tuyển dụng 743 chỉ tiêu, trong đó:

- Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng: 524 chỉ tiêu *(phụ lục 01)*.

- Trạm Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã: 219 chỉ tiêu *(phụ lục 02)*.

4. Số lượng người làm việc

4.1. Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng

- Số lượng viên chức được giao năm 2026: 6.638 (Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước 3.198; nguồn thu là 3.440).

- Số lao động hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ và lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ tính đến tháng 10/2026: 2.344 người.

4.1.1. Đơn vị sự nghiệp do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động và đơn vị tự bảo đảm một phần kinh phí hoạt động

- Số lượng viên chức được giao năm 2026: 6.638 (Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước 3.198; nguồn thu là 3.440).

- Số lượng viên chức đã tuyển dụng: 4.864 người làm việc.

- Số lượng chưa tuyển dụng viên chức: 1.774 người.

- Số lượng người cần tuyển dụng vào viên chức: 350 người.

4.1.2. Đơn vị sự nghiệp bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động

- Số lượng viên chức đã tuyển dụng: 1.936 người làm việc.

- Số lượng người cần tuyển dụng vào viên chức: 174 người.

4.2. Trạm Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

- Số lượng viên chức được giao năm 2026: 2.885 người

- Số lao động hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn nghiệp vụ và lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ đến tháng 10/2026: 332 người.

- Số lượng viên chức đã tuyển dụng: 2.386 người làm việc.

- Số lượng chưa tuyển dụng viên chức: 499 người.

- Số lượng người cần tuyển dụng vào viên chức: 219 người.

(Đính kèm phụ lục 03 và phụ lục 04)

III. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức và đối tượng ưu tiên

1. Người có đủ các điều kiện sau đây được đăng ký dự tuyển viên chức

- Có 01 quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch;

- Đang cư trú tại Việt Nam;

- Đủ 18 tuổi trở lên, trừ trường hợp theo quy định của pháp luật về ngành, lĩnh vực đối với các ngành, nghề đặc thù;

- Có đăng ký dự tuyển;

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lý lịch rõ ràng;

- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;

- Đáp ứng các điều kiện theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

- Đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật về hoạt động nghề nghiệp.

Lưu ý: Ngoài các điều kiện chung, người dự tuyển phải đảm bảo các điều kiện vị trí tuyển dụng cụ thể đính kèm tại phụ lục 01, 02.

2. Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức

- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc.

- Thuộc một trong các trường hợp không được đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định của pháp luật về hoạt động nghề nghiệp.

3. Ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

3.1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả vòng 2.

- Người dân tộc thiểu số; sĩ quan quân đội, quân nhân chuyên nghiệp phục viên; sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân xuất ngũ; người làm công tác cơ yếu chuyển ngành; học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị; con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả vòng 2.

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân; công nhân, viên chức quốc phòng thôi việc còn trong độ tuổi lao động; đội viên thanh niên xung phong, trí thức trẻ tình nguyện đến công tác tại các khu kinh tế quốc phòng sau khi hoàn thành nhiệm vụ tham gia dự án: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả vòng 2.

- Cán bộ công đoàn trưởng thành từ cơ sở, trong phong trào công nhân theo quy định của cấp có thẩm quyền: Được cộng 1,5 điểm vào kết quả vòng 2.

3.2. Trường hợp người dự thi tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả vòng 2.

IV. Thủ tục đăng ký dự tuyển

1. Thành phần hồ sơ

- Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu.

- Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

Lưu ý:

- Để đảm bảo việc kiểm tra thông tin Phiếu đăng ký dự tuyển được chính xác, khuyến khích người dự tuyển nộp bản sao các văn bằng, chứng chỉ (gồm cả bản dịch thuật đối với văn bằng nước ngoài).

- Người dự tuyển chỉ kê khai các văn bằng, chứng chỉ được cấp trước này nộp Phiếu đăng ký dự tuyển; không sử dụng giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời, giấy chứng nhận đã hoàn thành kỳ thi chờ cấp chứng chỉ để thay thế các văn bằng, chứng chỉ theo quy định.

- Mỗi người dự tuyển chỉ được đăng ký dự tuyển vào 01 vị trí việc làm tại Phụ lục 01 hoặc phụ lục 02 kèm theo Kế hoạch này.

2. Thời gian nhận phiếu đăng ký dự tuyển

30 ngày theo thông báo tuyển dụng công khai trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng, trang thông tin điện tử Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng.

3. Nộp phiếu đăng ký dự tuyển

Người đăng ký dự tuyển nộp Phiếu đăng ký dự tuyển tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính qua địa chỉ: Phòng Tổ chức cán bộ, Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng - Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng, số 36 đường Trần Phú, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng. Số điện thoại liên hệ: 0263.383.3558 *(Lưu ý: Nếu phiếu đăng ký tuyển dụng gửi qua đường bưu chính chỉ nhận từ ngày tiếp nhận theo thông báo tuyển dụng cho đến ngày thứ 20, tính theo dấu của bưu điện, quá ngày thứ 20 thí sinh nộp trực tiếp tại địa điểm tiếp nhận; Ngoài bìa thư ghi "Hồ sơ tuyển dụng viên chức" đồng thời gửi chuyển phát nhanh để tránh thất lạc hồ sơ).*

4. Nhận thông tin tuyển dụng viên chức

Người dự tuyển nhận thông tin liên quan đến kỳ tuyển dụng trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và Zalo tại địa chỉ sau:

https://syt.lamdong.gov.vn/

https://zalo.me/g/aso5lgyjtultvnmnrtlb

V. Nội dung, hình thức và thời gian thi

Thi tuyển viên chức được thực hiện theo 02 vòng, như sau:

1. Vòng 1: Kiểm tra kiến thức chung và ngoại ngữ

- Hình thức: Thi trắc nghiệm trên máy tính.

- Kiểm tra kiến thức chung: 60 câu hỏi hiểu biết về pháp luật viên chức, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng. Thời gian thi 60 phút.

- Kiểm tra ngoại ngữ: Kiểm tra tiếng Anh, 30 câu hỏi, thời gian thi 30 phút.

- Người dự tuyển trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên đối với từng phần thi quy định thì được tham dự vòng 2. Không thực hiện phúc khảo vòng 1.

- Trường hợp miễn thi ngoại ngữ (tiếng Anh) đối với các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác) cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển.

+ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác) ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoặc đương nhiên được công nhận theo quy định của pháp luật.

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ đáp ứng mức độ/bậc ngoại ngữ được xác định trong thông báo tuyển dụng hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định của pháp luật.

+ Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số.

+ Các vị trí việc làm không yêu cầu về ngoại ngữ.

2. Vòng 2: Thi nghiệp vụ chuyên ngành

- Hình thức thi: Kết hợp bài thi viết và phỏng vấn.

- Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển; phần phỏng vấn đánh giá năng lực tư duy, giao tiếp, phán đoán, khả năng học hỏi, diễn đạt, thái độ, tính cách và các năng lực cần thiết khác theo yêu cầu của vị trí việc làm.

- Thời gian thi: Bài thi viết 180 phút, không kể thời gian chép đề; bài thi phỏng vấn tối đa 30 phút, thí sinh có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi phỏng vấn.

- Thang điểm: Bài thi viết 100 điểm, bài thi phỏng vấn 100 điểm. Tổng điểm hai bài thi được quy đổi về thang điểm 100, trong đó bài thi viết chiếm 70% và bài thi phỏng vấn chiếm 30%, làm tròn đến 02 chữ số thập phân.

- Thực hiện phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2. Thời hạn nhận đơn phúc khảo là 05 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả thi.

VI. Xác định người trúng tuyển, hoàn thiện hồ sơ trúng tuyển, hủy bỏ kết quả trúng tuyển và bổ sung người trúng tuyển

1. Xác định người trúng tuyển

1.1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

+ Thi kết hợp viết và phỏng vấn thì phải dự thi đủ cả 02 bài thi (viết và phỏng vấn) và có kết quả đạt từ 50% trở lên điểm tối đa của mỗi bài thi.

+ Có tổng điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành và điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn, được xếp theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

1.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự: người có điểm thi nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn; nếu hình thức thi nghiệp vụ chuyên ngành kết hợp bài thi viết và phỏng vấn thì ưu tiên người có điểm bài thi viết cao hơn.

1.3. Trường hợp vẫn chưa xác định được người trúng tuyển sau khi áp dụng thứ tự ưu tiên nêu tại tiểu mục 1.2 khoản này, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định người trúng tuyển theo quy định.

1.4. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

2. Hoàn thiện hồ sơ sau khi trúng tuyển

- Thời gian hoàn thiện: Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày danh sách trúng tuyển được công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng, người trúng tuyển phải hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng và nộp cho Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

+ Bản sao văn bằng, chứng chỉ (không bao gồm chứng chỉ tin học, ngoại ngữ) theo yêu cầu tại Thông báo tuyển dụng;

+ Bản sao sổ bảo hiểm xã hội và các giấy tờ khác liên quan đến việc xếp lương để có cơ sở xếp lương theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức *"Trường hợp người được tuyển dụng vào làm viên chức đã có thời gian công tác theo đúng quy định của pháp luật phù hợp với yêu cầu về trình độ chuyên môn nghiệp vụ của vị trí việc làm được tuyển dụng, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (nếu không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần hoặc chưa hưởng chế độ phục viên, xuất ngũ thì được cộng dồn), được bố trí làm công việc theo đúng chuyên môn, nghiệp vụ trước đây đã đảm nhiệm thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng căn cứ thời gian công tác đó để xem xét, quyết định xếp vào bậc lương phù hợp ở bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm được tuyển dụng"*.

- Lý lịch tư pháp: Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Phiếu lý lịch tư pháp đối với người trúng tuyển theo quy định.

3. Huỷ bỏ kết quả trúng tuyển

- Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển hoặc đã hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng nhưng không đến nhận việc trong thời hạn theo thỏa thuận thì đương nhiên bị xóa tên trong danh sách trúng tuyển. Hội đồng tuyển dụng thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng danh sách người bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

- Đối với trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì không được tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong 01 kỳ tuyển dụng tiếp theo.

4. Trường hợp bổ sung người trúng tuyển

- Giám đốc Sở Y tế có thẩm quyền quyết định tuyển dụng người có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề ở vị trí việc làm tuyển dụng có người bị hủy bỏ kết quả trúng.

- Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề bằng nhau thì Giám đốc Sở Y tế quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên tại tiểu mục 2.2 và 2.3 khoản 1 Mục VI của Kế hoạch này.

VII. Tổ chức thực hiện

1. Thông báo kế hoạch tuyển dụng viên chức

Thông báo công khai Kế hoạch tuyển dụng viên chức trên Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng, trang thông tin điện tử của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và niêm yết công khai tại Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và trụ sở làm việc của các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng viên chức.

2. Địa điểm tổ chức

Sở Y tế sẽ thông báo công khai địa điểm thi tuyển trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và niêm yết công khai tại Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và trụ sở làm việc của các đơn vị có nhu cầu tuyển dụng viên chức.

3. Kinh phí

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

4. Thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức và các bộ phận giúp việc

- Thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP.

- Thành lập các bộ phận giúp việc theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 259/2026/NĐ-CP và Thông tư số 001/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành nội quy và quy chế tuyển dụng, nâng ngạch, xét thăng hạng công chức, viên chức;

5. Phân công nhiệm vụ

- Phòng Tổ chức cán bộ

+ Là bộ phận thường trực tham mưu triển khai thực hiện kế hoạch tuyển dụng viên chức; phối hợp với các phòng thuộc Sở và các đơn vị liên quan trong việc triển khai kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2026.

+ Tham mưu và thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở, Hội đồng tuyển dụng viên chức giao trong quá trình triển khai kế hoạch.

- Các phòng chuyên môn và Văn phòng Sở:

+ Cử thành viên tham gia triển khai kế hoạch tuyển dụng viên chức khi được đề xuất.

+ Tham mưu và thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở, Hội đồng tuyển dụng viên chức giao trong quá trình triển khai kế hoạch.

+ Văn phòng Sở chịu trách nhiệm thực hiện công tác kinh phí, thanh toán, quyết toán và công tác hậu cần, bố trí cơ sở vật chất đảm bảo triển khai công tác tuyển dụng.

- Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng phối hợp triển khai kế hoạch tuyển dụng theo yêu cầu.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 701/KH-SYT ngày 10/6/2026 của Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng về việc Tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026.

Trên đây là Kế hoạch tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng và Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026.

(Đính kèm phụ lục 01,02,03,04 và mẫu phiếu đăng ký dự tuyển)./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- VP UBND tỉnh Lâm Đồng;
- TT Thông tin và hội nghị tỉnh Lâm Đồng;
- UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;
- Trạm Y tế trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;
- BGĐ SYT;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Trang TTĐT SYT;
- Lưu: VT, TCCB, HTHN.

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH LÂM ĐỒNG

Huỳnh Thị Phương Duyên

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 01

Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng năm 2026

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
	Tổng						**30**	**494**	**524**	
I	**Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng**						**4**	**0**	**4**	
1	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3	1	0	**1**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	3	0	**3**	
II	**Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Lâm Đồng**						**1**	**0**	**1**	
1	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành kế toán, tài chính, kiểm toán	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kế toán	Bậc 3	1	0	**1**	
III	**Trung tâm Kiểm nghiệm Dược phẩm - Mỹ phẩm tỉnh Lâm Đồng**						**3**	**0**	**3**	
1	Văn thư viên	02.007	Tốt nghiệp Đại học trở lên các ngành/chuyên ngành: Văn thư - lưu trữ, lưu trữ học hoặc các ngành/chuyên ngành khác phù hợp với vị trí việc làm có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Văn thư, lưu trữ	Không	Văn thư	Bậc 3	1	0	**1**	
2	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3	1	0	**1**	
3	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3	1	0	**1**	
IV	**Trung tâm Pháp y tỉnh Lâm Đồng**						**3**	**0**	**3**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	3		**3**	
V	**Bệnh viện II Lâm Đồng**						**0**	**80**	**80**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		20	20	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		3	3	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	1	
4	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3		4	4	
5	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		22	22	
6	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		10	10	
7	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Cử nhân Hộ sinh	Bậc 2 và tương đương trở lên	Hộ sinh	Bậc 3		1	1	
8	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh	Không	Hộ sinh	Bậc 2		2	2	
9	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		2	2	
10	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	1	
11	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật vật lý trị liệu và phục hồi chức năng	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		1	1	
12	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		2	2	
13	Dinh dưỡng hạng III	V.08.09.25	Cử nhân Dinh dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dinh dưỡng	Bậc 3		1	1	
14	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật	Bậc 3		1	1	
15	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật	Bậc 3		1	1	
16	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Kỹ sư kỹ thuật xây dựng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật	Bậc 3		1	1	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
17	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	Cao đẳng Điện - Điện lạnh	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật	Bậc 2		1	1	
18	Chuyên viên	01.003	Cử nhân Luật	Bậc 2 và tương đương trở lên	Pháp chế	Bậc 3		1	1	
19	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Hành chính học, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Bảo hiểm, Luật, Kế toán, Kinh tế	Bậc 2 và tương đương trở lên	Hành chính - Tổng hợp	Bậc 3		1	1	
20	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Luật kinh tế, Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kế toán - Kiểm toán, Quản lý bệnh viện, Quản lý y tế	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kế hoạch, đầu tư	Bậc 3		2	2	
21	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kế toán	Bậc 3		1	1	
22	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3		1	1	
VI	**Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch**						**0**	**13**	**13**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		3	**3**	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		3	**3**	
4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		1	**1**	
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
6	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		2	**2**	
7	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng Dược	Không	Dược	Bậc 2		1	**1**	
8	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh, Quản lý nhà nước, Luật, Kế toán	Bậc 2 và tương đương trở lên	Hành chính - Tổng hợp	Bậc 3		1	**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
VII	**Bệnh viện Y học cổ truyền Bảo Lộc**						**0**	**6**	**6**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		5	**5**	
VIII	**Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Lâm Đồng**							**22**	**22**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		8	**8**	
2	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3		2	**2**	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		4	**4**	
4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		4	**4**	
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
6	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		1	**1**	
7	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3		1	**1**	
8	Công nghệ thông tin hạng IV	V.11.06.15	Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin	Không	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 2		1	**1**	
IX	**Trung tâm Y tế khu vực Đà Lạt**						**0**	**28**	**28**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		22	**22**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
4	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
5	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật Phục hồi chức năng	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		1	**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
X	**Trung tâm Y tế khu vực Đơn Dương**						**0**	**6**	**6**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
2	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		1	**1**	
3	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật xét nghiệm y học	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		2	**2**	
4	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng, Quản trị kinh doanh	Bậc 2 và tương đương trở lên	Tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng	Bậc 3		1	**1**	
XI	**Trung tâm Y tế khu vực Đức Trọng**						**0**	**15**	**15**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		13	**13**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
XII	**Trung tâm Y tế khu vực Lạc Dương**						**2**	**0**	**2**	
1	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3	1		**1**	
2	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3	1		**1**	
XIII	**Trung tâm Y tế khu vực Lâm Hà**						**0**	**16**	**16**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
4	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		2	**2**	
5	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Cử nhân Hộ sinh	Bậc 2 và tương đương trở lên	Hộ sinh	Bậc 3		1	**1**	
6	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
7	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
8	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		2	**2**	
9	Kế toán viên (hạng III)	V.06.031	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán, tài chính	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kế toán	Bậc 3		2	**2**	
10	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cơ sở đào tạo hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có chứng chỉ sơ cấp ngành công tác xã hội	Bậc 2 và tương đương trở lên	Công tác xã hội	Bậc 3		1	**1**	
11	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		2	**2**	
XIV	**Trung tâm Y tế khu vực Đam Rông**						**0**	**6**	**6**	
1	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		1	**1**	
2	Hộ sinh hạng IV	V.08.06.16	Cao đẳng Hộ sinh	Không	Hộ sinh	Bậc 2		1	**1**	
3	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
4	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng Dược	Không	Dược	Bậc 2		1	**1**	
5	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
6	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
XV	**Trung tâm Y tế khu vực Di Linh**						**0**	**38**	**38**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		10	**10**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
4	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3		1	**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		2	**2**	
6	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật phục hồi chức năng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
7	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		10	**10**	
8	Hộ sinh hạng III	V.08.06.15	Cử nhân Hộ sinh	Bậc 2 và tương đương trở lên	Hộ sinh	Bậc 3		1	**1**	
9	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3		1	**1**	
10	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		2	**2**	
11	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		7	**7**	
XVI	**Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lâm**						**0**	**18**	**18**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		5	**5**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
4	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3		1	**1**	
5	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		2	**2**	
6	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		4	**4**	
7	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
8	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật phục hồi chức năng	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		2	**2**	
9	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3		1	**1**	
XVII	**Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lộc**						**0**	**3**	**3**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
2	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		1	**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
XVIII	**Trung tâm Y tế khu vực Đạ Huoai**						**0**	**22**	**22**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		5	**5**	
2	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3		7	**7**	
3	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2		2	**2**	
4	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật xét nghiệm y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		2	**2**	
5	Kỹ thuật y hạng III	V.08.07.18	Cử nhân Kỹ thuật hình ảnh y học	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật y	Bậc 3		1	**1**	
6	Kỹ thuật y hạng IV	V.08.07.19	Cao đẳng Kỹ thuật hình ảnh y học	Không	Kỹ thuật y	Bậc 2		3	**3**	
7	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3		1	**1**	
8	Kỹ sư (hạng III)	V.05.02.07	Có trình độ đại học chuyên ngành kỹ thuật thiết bị y tế	Bậc 2 và tương đương trở lên	Kỹ thuật	Bậc 3		1	**1**	
XIX	**Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Thuận**						**17**	**0**	**17**	
1	Công nghệ thông tin hạng III	V.11.06.14	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên các ngành đào tạo về công nghệ thông tin hoặc các ngành đào tạo gần về công nghệ thông tin	Bậc 2 và tương đương trở lên	Ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số	Bậc 3	1			
2	Chuyên viên	01.003	Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành tâm lý học, công tác xã hội, xã hội học, điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em	Bậc 3	1		**1**	
3	Điều dưỡng hạng III	V.08.05.12	Cử nhân Điều dưỡng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Điều dưỡng	Bậc 3	1		**1**	
4	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Cao đẳng Điều dưỡng	Không	Điều dưỡng	Bậc 2	5		**5**	
5	Dược sĩ (hạng III)	V.08.08.22	Dược sĩ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Dược	Bậc 3	1		**1**	
6	Dược hạng IV	V.08.08.23	Cao đẳng Dược	Không	Dược	Bậc 2	1		**1**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
7	Công tác xã hội viên	V.09.04.02	Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cơ sở đào tạo hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có chứng chỉ sơ cấp ngành công tác xã hội	Bậc 2 và tương đương trở lên	Công tác xã hội	Bậc 3	5		**5**	
8	Nhân viên công tác xã hội	V.09.04.03	Tốt nghiệp cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành công tác xã hội, xã hội học, tâm lý học, giáo dục đặc biệt hoặc các chuyên ngành khoa học xã hội phù hợp với nhiệm vụ công tác xã hội. Trường hợp có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ công tác xã hội do cơ sở đào tạo hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành hoặc có chứng chỉ sơ cấp ngành công tác xã hội	Bậc 2 và tương đương trở lên	Công tác xã hội	Bậc 2	2		**2**	
XX	**Bệnh viện Đa khoa khu vực phía Nam**						**0**	**22**	**22**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	19	**19**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
XXI	**Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi**						**0**	**20**	**20**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	18	**18**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
XXII	**Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận**						**0**	**10**	**10**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	8	**8**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
XXIII	**Bệnh viện Phổi Bình Thuận**						**0**	**5**	**5**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		4	**4**	
2	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3		1	**1**	
XXIV	**Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Bình Thuận**						**0**	**12**	**12**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		5	**5**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		6	**6**	
XXV	**Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong**						**0**	**10**	**10**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	10	**10**	
XXVI	**Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc**						**0**	**15**	**15**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		3	**3**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		12	**12**	
XXVII	**Trung tâm Y tế khu vực Phan Thiết**						**0**	**20**	**20**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		18	**18**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
XXVIII	**Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Nam**						**0**	**4**	**4**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	4	**4**	
XXIX	**Trung tâm Y tế khu vực Hàm Tân**						**0**	**11**	**11**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		9	**9**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		1	**1**	
3	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3		1	**1**	
XXX	**Trung tâm Y tế khu vực Đức Linh**						**0**	**10**	**10**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	6	**6**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	

TT	Vị trí việc làm theo Thông tư		Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển		Vị trí việc làm được phê duyệt		Số lượng viên chức cần tuyển theo nguồn kinh phí		Tổng số lượng viên chức cần tuyển	Ưu tiên dân tộc thiểu số (nếu có)
	Tên vị trí việc làm theo Thông tư	Mã	Trình độ chuyên môn, chuyên ngành	Ngoại ngữ	Tên vị trí	Bậc nghề nghiệp	Ngân sách nhà nước	Nguồn thu sự nghiệp		
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*9*	*(10)=(8)+(9)*	*(11)*
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
4	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	V.08.02.06	Bác sĩ Y học dự phòng	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sỹ y học dự phòng	Bậc 3	0	1	**1**	
XXXI	**Trung tâm Y tế khu vực Tánh Linh**						**0**	**11**	**11**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	9	**9**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
XXXII	**Trung tâm Y tế Quân dân y Đặc khu Phú Quý**						**0**	**6**	**6**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	3	**3**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	
XXXIII	**Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận**						**0**	**52**	**52**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	50	**50**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
3	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
XXXIV	**Bệnh viện Đa khoa Đắk Nông**						**0**	**2**	**2**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	2	**2**	
XXXV	**Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp**						**0**	**4**	**4**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	4	**4**	
XXXVI	**Trung tâm Y tế khu vực Đắk Song**						**0**	**5**	**5**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		4	**4**	
2	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ Y học cổ truyền	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3	0	1	**1**	
XXXVII	**Trung tâm Y tế khu vực Tuy Đức**						**0**	**2**	**2**	
1	Bác sĩ (hạng III)	V.08.01.03	Bác sĩ y khoa	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bác sĩ	Bậc 3		2	**2**	

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 02

Chỉ tiêu tuyển dụng viên chức các Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng năm 2026

TT	Vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển					Ưu tiên người dân tộc thiểu số (nếu có)
		Tên vị trí việc làm	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	
		Mã	V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.01.03	V.08.01.03	
		Bậc nghề nghiệp	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	
	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	**Trình độ chuyên môn, chuyên ngành**	Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	
		Ngoại ngữ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	
	Tên trạm/Tổng số lượng	**219**	**127**	**23**	**20**	**49**	
1	Trạm Y tế phường Xuân Hương - Đà Lạt	**2**	1			1	
2	Trạm Y tế phường Cam Ly - Đà Lạt	**1**	1				
3	Trạm Y tế phường Lâm Viên - Đà Lạt	**3**	2			1	
4	Trạm Y tế phường Lang Biang - Đà Lạt	**1**				1	
5	Trạm y tế xã Lạc Dương	**1**	1				
6	Trạm Y tế xã Đơn Dương	**2**		1		1	
7	Trạm Y tế xã Ka Đô	**2**	2				
8	Trạm Y tế xã Quảng Lập	**1**	1				
9	Trạm Y tế xã Đức Trọng	**3**	3				
10	Trạm Y tế xã Hiệp Thạnh	**1**	1				
11	Trạm Y tế xã Tân Hội	**2**	2				
12	Trạm Y tế xã Ninh Gia	**4**	2		1	1	
13	Trạm Y tế xã Tà Hine	**2**	1		1		
14	Trạm Y tế xã Tà Năng	**4**	4				
15	Trạm Y tế xã Phú Sơn Lâm Hà	**1**	1				
16	Trạm Y tế xã Nam Hà Lâm Hà	**2**	2				
17	Trạm Y tế xã Tân Hà Lâm Hà	**1**	1				
18	Trạm Y tế xã Phúc Thọ Lâm Hà	**5**	2	1	1	1	
19	Trạm Y tế xã Di Linh	**2**	1			1	
20	Trạm Y tế xã Hòa Ninh	**2**		1	1		
21	Trạm Y tế xã Hòa Bắc	**3**	2			1	
22	Trạm Y tế xã Đinh Trang Thượng	**1**	1				
23	Trạm Y tế xã Bảo Thuận	**1**	1				
24	Trạm Y tế xã Sơn Điền	**3**	2			1	

TT	Vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển					Ưu tiên người dân tộc thiểu số (nếu có)
		Tên vị trí việc làm	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	
		Mã	V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.01.03	V.08.01.03	
		Bậc nghề nghiệp	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	
	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	**Trình độ chuyên môn, chuyên ngành**	Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	
		Ngoại ngữ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	
25	Trạm Y tế xã Gia Hiệp	**5**	2	1	1	1	
26	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 1	**2**	1		1		
27	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 5	**2**	1			1	
28	Trạm Y tế phường 1 Bảo Lộc	**2**	1		1		
29	Trạm Y tế phường 2 Bảo Lộc	**1**	1				
30	Trạm Y tế xã Đạ Huoai	**1**	1				
31	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 2	**4**	3			1	
32	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 3	**1**				1	
33	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh	**2**	2				
34	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh 2	**3**	1		1	1	
35	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh 3	**2**	1			1	
36	Trạm Y tế xã Cát Tiên 2	**3**	1		1	1	
37	Trạm Y tế xã Cát Tiên 3	**3**	1		1	1	
38	Trạm Y tế xã Vĩnh Hảo	**3**	1	1		1	Vị trí Bác sĩ Y học dự phòng ưu tiên người dân tộc thiểu số
39	Trạm Y tế xã Liên Hương	**7**	4	1	1	1	
40	Trạm Y tế xã Tuy Phong	**3**	2	1			
41	Trạm Y tế xã Phan Rí Cửa	**5**	2	1	1	1	
42	Trạm Y tế xã Hồng Thái	**4**	1	2		1	
43	Trạm Y tế xã Hải Ninh	**2**	2				
44	Trạm Y tế xã Phan Sơn	**3**	1		1	1	
45	Trạm Y tế xã Sông Lũy	**3**	3				
46	Trạm Y tế xã Lương Sơn	**4**	2	1		1	
47	Trạm Y tế xã Hòa Thắng	**3**	2	1			
48	Trạm Y tế xã Đông Giang	**3**	1	1		1	

TT	Vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển					Ưu tiên người dân tộc thiểu số (nếu có)
		Tên vị trí việc làm	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	
		Mã	V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.01.03	V.08.01.03	
		Bậc nghề nghiệp	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	
	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	**Trình độ chuyên môn, chuyên ngành**	Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	
		Ngoại ngữ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	
49	Trạm Y tế xã La Dạ	**2**	1			1	
50	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Bắc	**3**	1		1	1	
51	Trạm Y tế xã Hàm Thuận	**1**	1				
52	Trạm Y tế xã Hồng Sơn	**2**		1		1	
53	Trạm Y tế xã Hàm Liêm	**3**	2			1	
54	Trạm Y tế phường Hàm Thắng	**4**	1	1	1	1	
55	Trạm Y tế phường Bình Thuận	**3**	1	1		1	
56	Trạm Y tế phường Mũi Né	**3**	1	1		1	
57	Trạm Y tế phường Phú Thủy	**3**	2			1	
58	Trạm Y tế phường Phan Thiết	**1**			1		
59	Trạm Y tế phường Tiến Thành	**2**	1			1	
60	Trạm Y tế xã Tuyên Quang	**2**	2				
61	Trạm Y tế xã Hàm Kiệm	**2**	2				
62	Trạm Y tế xã Tân Thành	**3**	3				
63	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Nam	**3**	2			1	
64	Trạm Y tế xã Tân Lập	**3**	2			1	
65	Trạm Y tế xã Tân Minh	**1**	1				
66	Trạm Y tế xã Hàm Tân	**3**	2	1			
67	Trạm Y tế xã Sơn Mỹ	**3**	1	1		1	
68	Trạm Y tế phường La Gi	**3**	3				
69	Trạm Y tế phường Phước Hội	**2**	2				
70	Trạm Y tế xã Tân Hải	**4**	3			1	
71	Trạm Y tế xã Bắc Ruộng	**2**	1			1	
72	Trạm Y tế xã Nghị Đức	**2**	1			1	
73	Trạm Y tế xã Đồng Kho	**3**	1		1	1	
74	Trạm Y tế xã Tánh Linh	**3**	2			1	
75	Trạm Y tế xã Suối Kiết	**3**	1	1		1	
76	Trạm Y tế xã Nam Thành	**3**	2			1	
77	Trạm Y tế xã Đức Linh	**4**	2		1	1	

TT	Vị trí việc làm	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển					Ưu tiên người dân tộc thiểu số (nếu có)
		Tên vị trí việc làm	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ y học dự phòng (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	Bác sĩ (hạng III)	
		Mã	V.08.01.03	V.08.02.06	V.08.01.03	V.08.01.03	
		Bậc nghề nghiệp	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	Bậc 3	
	Tiêu chuẩn, điều kiện vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	**Trình độ chuyên môn, chuyên ngành**	Bác sĩ y khoa	Bác sĩ Y học dự phòng	Bác sĩ Răng - Hàm - Mặt	Bác sĩ Y học cổ truyền	
		Ngoại ngữ	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	Bậc 2 và tương đương trở lên	
78	Trạm Y tế xã Hoài Đức	**2**	2				
79	Trạm Y tế xã Trà Tân	**3**	2	1			
80	Trạm Y tế xã Đắk Wil	**2**	1			1	
81	Trạm Y tế xã Quảng Phú	**1**	1				
82	Trạm Y tế xã Đắk Mil	**1**			1		
83	Trạm Y tế xã Đắk Song	**1**				1	
84	Trạm Y tế xã Trường Xuân	**1**				1	
85	Trạm Y tế phường Đông Gia Nghĩa	**1**	1				
86	Trạm Y tế xã Tà Đùng	**1**	1				
87	Trạm Y tế xã Quảng Sơn	**2**	1	1			
88	Trạm Y tế xã Quảng Hòa	**5**	2	1	1	1	
89	Trạm Y tế xã Quảng Trực	**1**	1				
90	Trạm Y tế Đặc khu Phú Quý	**1**				1	

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 03

Thực trạng số lượng người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế tỉnh Lâm Đồng năm 2026

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức có mặt tới tháng 10/2026			Số viên chức chưa tuyển dụng năm 2026			Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	
	Tổng	**6.638**	**3.198**	**3.440**	**6.800**	**3.131**	**3.669**	**1.774**	**67**	**1.707**	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lâm Đồng				**633**		633				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
2	Bệnh viện II Lâm Đồng				**467**		467				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
3	Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận				**481**		481				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
4	Bệnh viện Đa khoa khu vực phía Nam				**217**		217				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
5	Bệnh viện Đa khoa khu vực La Gi				**138**		138				Tự đảm bảo kinh phí chi thường xuyên
6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Bình Thuận	**326**	43	283	**188**	43	145	**138**		138	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
7	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Lâm Đồng	**208**	81	127	**98**	81	17	**110**		110	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
8	Bệnh viện Y học cổ truyền Bảo Lộc	**124**	53	71	**78**	53	25	**46**		46	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
9	Bệnh viện Y học cổ truyền Phạm Ngọc Thạch	**162**	78	84	**106**	78	28	**56**		56	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
10	Bệnh viện Phục hồi chức năng tỉnh Lâm Đồng	**93**	47	46	**77**	47	30	**16**		16	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
11	Bệnh viện Y học cổ truyền - Phục hồi chức năng Bình Thuận	**203**	60	143	**90**	60	30	**113**		113	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
12	Bệnh viện Phổi Bình Thuận	**109**	54	55	**81**	54	27	**28**		28	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
13	Bệnh viện Đa khoa Đắk Nông	**413**	145	268	**380**	145	235	**33**		33	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
14	Trung tâm Pháp y tỉnh Lâm Đồng	**33**	33		**30**	30		**3**	3		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
15	Trung tâm Giám định Y khoa tỉnh Lâm Đồng	**25**	22	3	**21**	21		**4**	1	3	Tự đảm bảo một phần kinh

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức có mặt tới tháng 10/2026			Số viên chức chưa tuyển dụng năm 2026			Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	
											phí chi thường xuyên
16	Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Lâm Đồng	**432**	377	55	**373**	373		**59**	4	55	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
17	Trung tâm Kiểm Nghiệm Dược phẩm - Mỹ Phẩm tỉnh Lâm Đồng	**36**	36		**33**	33		**3**	3		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
18	Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Lâm Đồng	**23**	23		**23**	23					Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
19	Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Thuận	**72**	72		**27**	27		**45**	45		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
20	Trung tâm Bảo trợ xã hội Đắk Nông	**24**	24		**23**	23		**1**	1		Đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên
21	Trung tâm Y tế khu vực Đà Lạt	**141**	59	82	**81**	59	22	**60**		60	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
22	Trung tâm Y tế khu vực Lạc Dương	**68**	62	6	**56**	56		**12**	6	6	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
23	Trung tâm Y tế khu vực Đơn Dương	**207**	78	129	**157**	78	79	**50**		50	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
24	Trung tâm Y tế khu vực Đức Trọng	**237**	100	137	**184**	100	84	**53**		53	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
25	Trung tâm Y tế khu vực Lâm Hà	**184**	100	84	**149**	100	49	**35**		35	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
26	Trung tâm Y tế khu vực Đam Rông	**112**	77	35	**87**	77	10	**25**		25	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
27	Trung tâm Y tế khu vực Di Linh	**213**	96	117	**169**	96	73	**44**		44	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
28	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lâm	**123**	72	51	**87**	72	15	**36**		36	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
29	Trung tâm Y tế khu vực Bảo Lộc	**82**	42	40	**64**	42	22	**18**		18	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
30	Trung tâm Y tế khu vực Đạ Huoai	**376**	238	138	**263**	238	25	**113**		113	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
31	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Phong	**180**	60	120	**134**	60	74	**46**		46	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
32	Trung tâm Y tế khu vực Bắc Bình	**43**	43		**42**	42		**1**	1		Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên

TT	Đơn vị sự nghiệp	Số lượng người làm việc được giao năm 2026			Số viên chức có mặt tới tháng 10/2026			Số viên chức chưa tuyển dụng năm 2026			Ghi chú
		Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	Tổng	Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu	
33	Trung tâm Y tế khu vực La Gi	**43**	43		**43**	43					Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
34	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Bắc	**285**	91	194	**172**	91	81	**113**		113	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
35	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Tân	**150**	65	85	**103**	65	38	**47**		47	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
36	Trung tâm Y tế khu vực Phan Thiết	**268**	97	171	**149**	97	52	**119**		119	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
37	Trung tâm Y tế khu vực Hàm Thuận Nam	**195**	50	145	**121**	50	71	**74**		74	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
38	Trung tâm Y tế khu vực Tánh Linh	**213**	45	168	**121**	45	76	**92**		92	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
39	Trung tâm Y tế khu vực Đức Linh	**153**	66	87	**72**	66	6	**81**		81	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
40	Trung tâm Y tế Quân dân y Đặc khu Phú Quý	**144**	96	48	**93**	93		**51**	3	48	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
41	Trung tâm Y tế khu vực Cư Jút	**143**	69	74	**140**	69	71	**3**		3	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
42	Trung tâm Y tế khu vực Krông Nô	**116**	56	60	**112**	56	56	**4**		4	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
43	Trung tâm Y tế khu vực Đắk Mil	**160**	70	90	**157**	70	87	**3**		3	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
44	Trung tâm Y tế khu vực Đắk Song	**125**	53	72	**115**	53	62	**10**		10	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
45	Trung tâm Y tế khu vực Đắk Glong	**96**	77	19	**84**	77	7	**12**		12	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
46	Trung tâm Y tế khu vực Đắk R'lấp	**219**	81	138	**214**	81	133	**5**		5	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên
47	Trung tâm Y tế khu vực Tuy Đức	**79**	64	15	**67**	64	3	**12**		12	Tự đảm bảo một phần kinh phí chi thường xuyên

UBND TỈNH LÂM ĐỒNG
SỞ Y TẾ

Phụ lục 04

Thực trạng số lượng người làm việc tại các Trạm Y tế xã, phường, đặc khu trực thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

TT	Tên trạm	Số viên chức được giao năm 2026	Số viên chức đã tuyển dụng đến 10/2026	Số viên chức chưa tuyển dụng đến tháng 10/2026
	Tổng	**2.885**	**2.386**	**499**
1	Trạm Y tế phường Xuân Hương - Đà Lạt	35	31	4
2	Trạm Y tế phường Cam Ly - Đà Lạt	23	22	1
3	Trạm Y tế phường Lâm Viên - Đà Lạt	27	20	7
4	Trạm Y tế phường Xuân Trường - Đà Lạt	26	24	2
5	Trạm Y tế phường Lang Biang - Đà Lạt	25	19	6
6	Trạm y tế xã Lạc Dương	17	16	1
7	Trạm Y tế xã Đơn Dương	26	19	7
8	Trạm Y tế xã Ka Đô	19	16	3
9	Trạm Y tế xã Quảng Lập	16	14	2
10	Trạm Y tế xã D'ran	17	17	0
11	Trạm Y tế xã Đức Trọng	22	19	3
12	Trạm Y tế xã Hiệp Thạnh	20	19	1
13	Trạm Y tế xã Tân Hội	21	18	3
14	Trạm Y tế xã Ninh Gia	15	10	5
15	Trạm Y tế xã Tà Hine	25	23	2
16	Trạm Y tế xã Tà Năng	15	11	4
17	Trạm Y tế xã Đinh Văn Lâm Hà	24	24	0
18	Trạm Y tế xã Phú Sơn Lâm Hà	19	18	1
19	Trạm Y tế xã Nam Hà Lâm Hà	15	12	3
20	Trạm Y tế xã Nam Ban Lâm Hà	38	35	3
21	Trạm Y tế xã Tân Hà Lâm Hà	34	30	4
22	Trạm Y tế xã Phúc Thọ Lâm Hà	18	13	5
23	Trạm Y tế xã Đam Rông 1	18	18	0
24	Trạm Y tế xã Đam Rông 2	16	16	0
25	Trạm Y tế xã Đam Rông 3	17	17	0
26	Trạm Y tế xã Đam Rông 4	23	23	0
27	Trạm Y tế xã Di Linh	36	27	9
28	Trạm Y tế xã Hòa Ninh	29	21	8
29	Trạm Y tế xã Hòa Bắc	17	11	6
30	Trạm Y tế xã Đinh Trang Thượng	22	21	1
31	Trạm Y tế xã Bảo Thuận	24	21	3
32	Trạm Y tế xã Sơn Điền	15	11	4
33	Trạm Y tế xã Gia Hiệp	20	13	7
34	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 1	21	18	3
35	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 2	22	22	0
36	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 3	17	17	0
37	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 4	18	16	2
38	Trạm Y tế xã Bảo Lâm 5	15	11	4
39	Trạm Y tế phường 1 Bảo Lộc	25	22	3
40	Trạm Y tế phường 2 Bảo Lộc	24	23	1
41	Trạm Y tế phường 3 Bảo Lộc	25	25	0
42	Trạm Y tế phường B'Lao	25	25	0
43	Trạm Y tế xã Đạ Huoai	27	26	1
44	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 2	24	18	6
45	Trạm Y tế xã Đạ Huoai 3	15	14	1
46	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh	26	24	2
47	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh 2	27	24	3
48	Trạm Y tế xã Đạ Tẻh 3	19	15	4
49	Trạm Y tế xã Cát Tiên	23	23	0
50	Trạm Y tế xã Cát Tiên 2	26	23	3
51	Trạm Y tế xã Cát Tiên 3	23	19	4
52	Trạm Y tế xã Vĩnh Hảo	15	12	3
53	Trạm Y tế xã Liên Hương	39	23	16
54	Trạm Y tế xã Tuy Phong	17	12	5
55	Trạm Y tế xã Phan Rí Cửa	35	19	16

TT	Tên trạm	Số viên chức được giao năm 2026	Số viên chức đã tuyển dụng đến 10/2026	Số viên chức chưa tuyển dụng đến tháng 10/2026
56	Trạm Y tế xã Bắc Bình	29	28	1
57	Trạm Y tế xã Hồng Thái	16	12	4
58	Trạm Y tế xã Hải Ninh	24	19	5
59	Trạm Y tế xã Phan Sơn	16	13	3
60	Trạm Y tế xã Sông Lũy	21	14	7
61	Trạm Y tế xã Lương Sơn	15	11	4
62	Trạm Y tế xã Hòa Thắng	15	10	5
63	Trạm Y tế xã Đông Giang	24	17	7
64	Trạm Y tế xã La Dạ	18	8	10
65	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Bắc	25	22	3
66	Trạm Y tế xã Hàm Thuận	32	21	11
67	Trạm Y tế xã Hồng Sơn	20	11	9
68	Trạm Y tế xã Hàm Liêm	21	18	3
69	Trạm Y tế phường Hàm Thắng	37	20	17
70	Trạm Y tế phường Bình Thuận	24	19	5
71	Trạm Y tế phường Mũi Né	35	14	21
72	Trạm Y tế phường Phú Thủy	23	19	4
73	Trạm Y tế phường Phan Thiết	31	30	1
74	Trạm Y tế phường Tiến Thành	18	13	5
75	Trạm Y tế xã Tuyên Quang	18	16	2
76	Trạm Y tế xã Hàm Thạnh	30	22	8
77	Trạm Y tế xã Hàm Kiệm	20	18	2
78	Trạm Y tế xã Tân Thành	36	23	13
79	Trạm Y tế xã Hàm Thuận Nam	19	14	5
80	Trạm Y tế xã Tân Lập	15	12	3
81	Trạm Y tế xã Tân Minh	19	*18*	1
82	Trạm Y tế xã Hàm Tân	21	14	7
83	Trạm Y tế xã Sơn Mỹ	21	16	5
84	Trạm Y tế phường La Gi	29	19	10
85	Trạm Y tế phường Phước Hội	27	15	12
86	Trạm Y tế xã Tân Hải	18	6	12
87	Trạm Y tế xã Bắc Ruộng	42	40	2
88	Trạm Y tế xã Nghị Đức	25	23	2
89	Trạm Y tế xã Đồng Kho	37	27	10
90	Trạm Y tế xã Tánh Linh	37	21	16
91	Trạm Y tế xã Suối Kiết	20	12	8
92	Trạm Y tế xã Nam Thành	31	17	14
93	Trạm Y tế xã Đức Linh	35	19	16
94	Trạm Y tế xã Hoài Đức	33	24	9
95	Trạm Y tế xã Trà Tân	30	21	9
96	Trạm Y tế xã Cư Jút	33	33	0
97	Trạm Y tế xã Nam Dong	20	20	0
98	Trạm Y tế xã Đắk Wil	19	17	2
99	Trạm Y tế xã Quảng Phú	22	21	1
100	Trạm Y tế xã Nâm Nung	16	16	0
101	Trạm Y tế xã Krông Nô	24	24	0
102	Trạm Y tế xã Nam Đà	22	22	0
103	Trạm Y tế xã Đức Lập	29	29	0
104	Trạm Y tế xã Thuận An	20	20	0
105	Trạm Y tế xã Đắk Mil	23	22	1
106	Trạm Y tế xã Đắk Sắk	24	24	0
107	Trạm Y tế xã Đức An	24	24	0
108x	Trạm Y tế xã Đắk Song	15	14	1
109	Trạm Y tế xã Thuận Hạnh	16	16	0
110	Trạm Y tế xã Trường Xuân	18	17	1
111	Trạm Y tế phường Bắc Gia Nghĩa	33	33	0
112	Trạm Y tế phường Đông Gia Nghĩa	30	28	2
113	Trạm Y tế phường Nam Gia Nghĩa	33	33	0
114	Trạm Y tế xã Tà Đùng	15	12	3
115	Trạm Y tế xã Quảng Khê	15	15	0
116	Trạm Y tế xã Quảng Sơn	15	12	3
117	Trạm Y tế xã Quảng Hòa	15	8	7
118	Trạm Y tế xã Kiến Đức	28	28	0
119	Trạm Y tế xã Nhân Cơ	23	23	0
120	Trạm Y tế xã Quảng Tín	27	27	0

TT	Tên trạm	Số viên chức được giao năm 2026	Số viên chức đã tuyển dụng đến 10/2026	Số viên chức chưa tuyển dụng đến tháng 10/2026
121	Trạm Y tế xã Quảng Trực	15	13	2
122	Trạm Y tế xã Tuy Đức	25	25	0
123	Trạm Y tế xã Quảng Tân	16	16	0
124	Trạm Y tế Đặc khu Phú Quý	21	18	3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng .... năm .....

(Dán ảnh 4 x 6)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

Vị trí việc làm dự tuyển[1]: .....

Cơ quan, tổ chức, đơn vị dự tuyển[2]: .....

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên: .....

Ngày, tháng, năm sinh: ..... Nam □ Nữ □

Dân tộc: ..... Tôn giáo: .....

Thẻ căn cước: ..... Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

Số điện thoại di động để báo tin: ..... Email: .....

Quê quán: .....

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Tình trạng sức khỏe: .....

Trình độ văn hóa: .....

Trình độ chuyên môn: .....

II. VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM TUYỂN DỤNG[3]

Tên cơ sở đào tạo	Thời điểm cấp văn bằng, chứng chỉ	Trình độ	Số hiệu văn bằng, chứng chỉ	Chuyên ngành đào tạo (ghi theo bảng điểm)	Ngành đào tạo	Hình thức đào tạo	Xếp loại

III. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

IV. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

1. Thuộc đối tượng ưu tiên[4]: Có □ Không □ Đối tượng ưu tiên: ..... Điểm ưu tiên: ..... điểm
2. Xác nhận hình thức nhận thông báo[5]: Xác nhận hình thức nhận thông báo theo Thông báo tuyển dụng □

V. THỨ TỰ ƯU TIÊN[6]

(Chỉ đăng ký đối với vị trí việc làm được tuyển dụng chung cho nhiều cơ quan sử dụng viên chức khác nhau)

1. Nguyện vọng 1: .....
2. Nguyện vọng 2: .....
3. Nguyện vọng 3: .....
...

VI. NỘI DUNG KHÁC THEO YÊU CẦU CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG

.....

.....

Tôi xin cam đoan đáp ứng đầy đủ yêu cầu về điều kiện đăng ký dự tuyển và không thuộc trường hợp không được đăng ký dự tuyển viên chức theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký dự tuyển này và cam kết hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định sau khi có thông báo trúng tuyển.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
(Ký, ghi rõ họ tên)